



Biểu số 113/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 12/BC-KT ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Phòng Kinh tế)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III	So sánh
A	B	1	2	3
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	102.001	80.475	79%
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	1.554	512	33%
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	463		0%
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	1.091		0%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	100.447	79.963	80%
-	Thu bổ sung cân đối	100.447	60.884	61%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	19.079	19.079	100%
III	Thu kết dư			
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	102.001	24.628	24%
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	102.001	24.628	24%
1	Chi đầu tư phát triển	-	0	
2	Chi thường xuyên	100.370	24.628	25%
3	Dự phòng ngân sách	1.631		0%
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
II	Chi viện trợ			



Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 12/BC-KT ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Phòng Kinh tế)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025		Ước thực hiện quý III		So sánh	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu	Thu NSDP
A	B	1					
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	102.151	102.001	-	80.475		79%
I	Thu nội địa	1.704	1.554	-	512		33%
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế) ngoài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	498	398		34		9%
5	Thuế thu nhập cá nhân	248	198		270		136%
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	235	235		75		32%
8	Thu phí, lệ phí	73	73		23		32%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	260	260				0%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước				95		
12	Thu tiền sử dụng đất						
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	50	50		15		30%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	340	340				0%
II	Thu viện trợ						
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang						
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	100.447	100.447	-	79.963		80%
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	100.447	100.447		60.884		61%
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên				19.079		



Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 12/BC-KT ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Phòng Kinh tế)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện quý III	So sánh
A	B	1	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	102.001	24.628	24%
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	102.001	24.628	24%
	Trong đó:			
I	Chi đầu tư phát triển	-	-	
1	Chi đầu tư cho các dự án			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	100.370	24.628	25%
	Trong đó:	100.370	24.628	25%
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	64.089	50	0%
2	Chi Quốc phòng	878	0	0%
3	Chi an ninh và TTATXH	1.631	226	14%
4	Chi y tế, dân số và gia đình	164	0	0%
5	Chi văn hóa thông tin	253	0	0%
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	354	38	11%
7	Chi thể dục thể thao	202	0	0%
8	Chi bảo vệ môi trường	98	0	0%
9	Chi các hoạt động kinh tế	1.545	0	0%
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	23.148	21.344	92%
11	Chi bảo đảm xã hội	7.959	2.971	37%
12	Chi khác	49	0	0%
III	Dự phòng ngân sách	1631		0%
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	Chi viện trợ			